

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Công Thắng.

- Ông Dương Trung Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024; thông báo mở lại phiên tòa số 34/2024/TB-TA ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Bích P, sinh năm 1981;

HKTT: Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi ở hiện nay: Tổ x, phường Đ, thành phố L1, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Thị Bích P kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L1, tỉnh Lai Châu vào ngày 04/6/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến tháng 08 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do có cách đối xử với con riêng hai bên, quản lý tài chính gia đình không có sự tin tưởng nhau, một phần do công việc làm ăn không ổn định từ đó hai vợ chồng càng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên vợ chồng tìm nhiều cách khắc phục nhưng không

có kết quả. Sau đó đến tháng 8/2022 thì chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Tổ x, phường Đ, thành phố L1, tỉnh Lai Châu. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị Bích P. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/6/2022. Ly hôn anh T đồng ý để chị Vũ Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K và anh cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Tại bản tự khai chị Vũ Thị Bích P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L1, tỉnh Lai Châu vào ngày 04/6/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T thường xuyên uống rượu, chửi bới chị P, đỉnh điểm là ngày 03/01/2022 anh T đi uống rượu cùng với bạn về nhà lúc 11 giờ đêm còn chửi chị P nhiều và đánh chị P bị gãy cổ chân. Lúc đó chị P đang mang thai 04 tháng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng với anh T đã hết, anh T xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/6/2022, chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi, cháu K là 2.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với Tổ trưởng Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Anh Nguyễn Văn T hiện đang là công dân của Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn anh T và chị P sinh được 01 cháu là Nguyễn Minh K, sinh năm 2022. Vợ chồng anh T, chị P sống ly thân từ năm 2023 đến nay, cháu K đang ở cùng chị P. Hiện nay anh T đã bán nhà nên không có nhà để ở mà phải đi ở nhờ nhà chị gái ở tổ dân phố 01, thị trấn Nông trường L, huyện V. Anh T không có công ăn việc làm ổn định, là lao động tự do hiện chăn nuôi lợn tại địa phương, có thu nhập bấp bênh vì chăn nuôi lợn phụ thuộc vào từng đợt bán lợn, theo mức thu nhập bình quân của lao động tự do tại địa phương là khoảng 3 triệu đồng đến 4 triệu đồng/1 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T: Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Vũ Thị Bích P; về con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K, anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Bích P đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố x, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự, tại phiên tòa anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Bích P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 04/6/2021 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L1, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Bích P được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Bích P đều xác nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ tháng 8/2022 đã sống ly thân, anh chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/6/2022. Tại phiên hòa giải anh T và chị P đã thỏa thuận để chị P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con. Chị P yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng. Anh T trình bày do điều kiện công việc bấp bênh, thu nhập thấp nên đề nghị hàng tháng cấp dưỡng với mức là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Hội đồng xét xử thấy cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con, việc chị P yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên mức cấp dưỡng chị P yêu cầu là cao so với thu nhập và khả năng thực tế của anh T bởi lẽ quá trình xác minh với chính quyền địa phương thể hiện anh T hiện phải đi ở nhờ nhà chị gái, là lao động tự do có công việc chăn nuôi lợn, thu nhập bấp bênh, tại địa phương với loại hình lao động tự do thì có mức thu nhập bình quân từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/ 1 tháng, với thu nhập hiện nay của anh T ngoài việc cấp dưỡng nuôi con anh T còn phải đảm bảo chi phí tái tạo sức lao động, do vậy quan điểm của anh T về việc cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp với khả năng thực tế của anh T và cũng đảm bảo nhu cầu thiết yếu với lứa tuổi của, cháu K, phù hợp với quy định tại khoản 20 Điều

2; khoản 2 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, giao con chung cho Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/6/2022 cho chị Vũ Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2024) cho đến khi, cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vũ Thị Bích P.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Bích P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 04/6/2022, anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2024) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị P có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên mà anh T chậm thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, với mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp

dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2023/0000594 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND P. Đ. TP L1, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

Lưu Hoa Quỳnh